TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 515/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-6-2022
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Huyền Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Hoàn Xanh

2. Bà Trần Quang Cảnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thanh Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên toà số 274/2022/QĐST-DS ngày 04/5/2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 302/2022/QĐST-DS ngày 25/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thu H, sinh năm: 1986 (Có mặt)

HKTT: Số 1A D, phường T, quận T, TP.HCM

Chỗ ở hiện nay: 14 T, phường T, quận T, Tp. HCM.

Bị đơn: Ông Lâm Văn P, sinh năm: 1981 (Vắng mặt)

HKTT: Số 1A D, phường T, quận T, TP.HCM

Chỗ ở hiện nay: Phòng 118 Lầu 1, chung cư T 2, đường B, Phường H, quận T, Tp. HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 05 tháng 4 năm 2021 và bản tự khai, hoà giải tại Toà án nguyên đơn là bà Mai Thu H trình bày:

Bà kết hôn với ông Lâm Văn P trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2011, quyển số 01/P.TT do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 05/3/2011.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng càng về sau hai bên có sự khác biệt về quan điểm sống, ông P không rõ ràng trong chuyện kinh tế, gây nợ nần làm bà dần mất niềm tin vào ông P, hôn nhân ngày càng nguội lạnh. Hiện bà và ông P không còn sống chung, hai bên đã ly thân từ tháng 04/2021 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà làm đơn yêu cầu ly hôn với ông P.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Lâm Việt L, sinh ngày 26/4/2012. Về điều kiện nuôi con, bà H trình bày bà là công chức nhà nước có công việc, thu nhập và thời gian ổn định; còn công việc của ông P là thiết kế và xây dựng phải đi công trình nhiều, giờ giấc không ổn định nên không phù hợp nuôi con nhỏ. Trong quá trình chung sống, bà và ông P thường xuyên cãi vã, ông P đã có những lời lẽ không chuẩn mực đối với bà, gia đình của bà, việc này cháu L có chứng kiến nên có tâm lý buồn và không gần gũi với ông P. Mặt khác, hiện nay cháu L đang sống cùng bà ổn định, bà còn ở chung với ba mẹ nên bà còn có sự hỗ trợ từ gia đình, lúc bà có việc đột xuất hay ốm đau còn có người lo cho bé, ông P hiện đang ở trọ 1 mình, nếu có việc đi ra ngoài hay ốm đau thì bé sẽ không có ai chăm sóc, chính vì vậy bà yêu cầu được nuôi cháu L. Bà không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thoả thuận giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn ông Lâm Văn P trình bày:

Ông xác nhận quá trình kết hôn như bà H trình bày là đúng. Trong cuộc sống gia đình có những bất đồng về quan điểm sống và nuôi dạy con cái, nên ông đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Lâm Việt L, sinh ngày 26/4/2012. Ông cũng xin được nuôi con chung, vì từ trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2020, bà H đi học liên tục từ 18 giờ đến 20 giờ vào các ngày hai, tư, sáu, nên đều do ông chăm sóc con. Về điều kiện kinh tế, ông P cho rằng đã qua giai đoạn khó khăn, kinh tế đã khôi phục đủ khả năng lo cho con; bên cạnh đó công việc thiết kế do ông làm chủ nên ông sẽ tự quyết được thời gian dành cho con, ông sẽ có nhiều thời gian đưa đón con đi học, dạy con và định hướng cho tương lai của con nhiều hơn. Ông cho rằng dù ông đang ở một mình, nhưng cháu L hiện đã 10 tuổi, nếu ông có việc ra ngoài đột xuất thì cháu vẫn có khả năng ở một mình trong thời gian ngắn. Nếu được nuôi con, ông cũng không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận giải quyết.

Tòa án nhân dân quận T đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự giải quyết tranh chấp nhưng không thành. Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Mai Thu H: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Lâm Văn P. Bà xin được nuôi trẻ Lâm Việt L, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận giải quyết.

- Bị đơn ông Lâm Văn P có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 81 và Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Quan hệ giải quyết trong vụ án giữa bà Mai Thu H và ông Lâm Văn P là ly hôn, ông P vào thời điểm thụ lý, giải quyết hồ sơ cư trú tại quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân quận T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa đề ngày 08/6/2022 của bị đơn, ông Lâm Văn P đề nghị Tòa án xét xử vụ án ly hôn không có sự tham gia của ông. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

- Xét yêu cầu ly hôn của bà Mai Thu H , Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hôn nhân giữa bà Mai Thu H và ông Lâm Văn P là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2011, quyển số 01/P.TT do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 05/3/2011.

Xét thấy mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông P là có thật, ông bà thống nhất thuận tình ly hôn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận thoả thuận ly hôn của bà Hiền và ông Phương.

- Về con chung: Có một con chung là cháu Lâm Việt L, sinh ngày 26/4/2012. Bà H, ông P đều yêu cầu được nuôi cháu L và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét về điều kiện kinh tế, Hội đồng xét xử nhận thấy cả bà H và ông P đều có có khả năng nuôi con, tuy nhiên cháu L đã trên 7 tuổi nên Toà án tiến hành lấy lời khai về nguyện vọng ở với ai khi cha mẹ ly hôn, theo nguyện vọng tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2022 cháu L xin được ở với mẹ. Nhận thấy cha mẹ ly hôn đã gây ảnh hưởng đến tinh thần của trẻ nhỏ, cháu L đang sống vui vẻ cùng mẹ, có kết quả học tập tốt, chính vì vậy để ổn định cuộc sống và

tâm lý cho trẻ, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu nuôi con của bà H là có căn cứ để chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà H.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông P tự thoả thuận giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bà Mai Thanh H chịu 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 68, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thu H được ly hôn với ông Lâm Văn P.

Quan hệ hôn nhân của bà Mai Thu H và ông Lâm Văn P chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2011, quyển số 01/P.TT do Ủy ban nhân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/3/2011 cho bà H và ông P không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có một con chung là cháu Lâm Việt L sinh ngày 26/4/2012. Giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông P do bà H không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Trong trường hợp bà H không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, bà H hoặc ông P hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Trường hợp ông P lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con

có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông P tự thoả thuận giải quyết.

2.Về án phí: Bà Mai Thu H phải chịu 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0071XXX ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Mai Thu H được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ông Lâm Văn P được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-TAND Tp.Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân Quận T;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận T;
- UBND phường T,quận T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Huyền Minh